

fángjiān hàomǎ 房间 号码 Room numbers	kèrén xìngmíng 客人 姓名 Names	diǎn cān 点 餐 Food ordered	shùliàng 数量 Numbers	bèizhù 备注 Remarks
	Lù xiānsheng 陆 先生 Mr. Lu	jīròufàn tàocān + lǜchá 鸡肉饭 套餐 + 绿茶 Chicken rice combo + Green tea		
	Lǐ xiǎojiě 李小姐 Ms. Li	niúròumiàn tàocān + kāfēi 牛肉面 套餐 + 咖啡 Beef noodles combo + Coffee		jiā nǎi bù jiā táng 加奶不加 糖 Milk without sugar
	Yú xiǎojiě 余小姐 Ms. Yu	niúpái tàocān + hóngjiǔ 牛排 套餐 + 红酒 Steak combo + Red wine		